

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-11-2020  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH - QUẢNG BÌNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: ông Dương Viết Hải*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Dương Quốc Phòng

Bà: Nguyễn Thị Thương

*- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: ông Mai Anh Sơn - Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* chị Phạm Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ nơi cư trú: thôn Ph, xã Đ, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, có mặt

*Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ nơi cư trú: thôn Nh, xã Nh, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Phạm Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T là người cùng xã nên được mọi người giới thiệu. Từ đó hai bên quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian. Sau đó, hai bên tự nguyện đến UBND xã Nh, huyện Bố Trạch đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chị được khoảng một tuần nhưng vì tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không ai nói chuyện với ai, chị H thấy vậy nên đã bảo anh T về nhà lấy vợ khác chứ đừng sống chung với nhau nữa. Anh T đồng ý bỏ về nhà anh sinh sống từ đó đến nay, hai bên sống ly thân, không quan tâm lo lắng gì đến nhau, ai lo và biết công việc của người đó. Sau một thời gian vợ chồng sống ly thân anh T chung sống với người phụ nữ khác và đã có con chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt

được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn T để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng sống chung với nhau không lâu nên chưa có con chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: vợ chồng chung sống với nhau không lâu nên không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập và thông báo việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh T, anh đồng ý ly hôn chị H tuy nhiên anh không chịu ký vào biên bản lấy lời khai với lý do trước đây anh đã làm đơn xin ly hôn và đề nghị chị H ký nhưng chị H không ký nên bây giờ anh không ký. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T từ chối nhận và từ chối làm việc nên tại các phiên hoà giải anh đều vắng mặt. Ngày 21/10/2020 Tòa án đã mở phiên toà xét xử vụ án nhưng anh T vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà và đã tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập để anh T được biết nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà chị Phạm Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình như đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

*Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Bó Trạch phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án mặc dù đã được thông báo nhưng đã từ chối làm việc và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Ngày 21/10/2020 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do lần thứ nhất. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt, đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình và gây cản trở cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân hơn 20 năm nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về quan hệ con chung và

quan hệ tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra, cần tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Tòa án xác định đây là vụ án “ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Nguyễn Văn T đều từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt không có lý do nên Toà án không hoà giải được. Toà án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H thấy:

- Về quan hệ tình cảm: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng sống ly thân đã hơn 20 năm nay, hai bên không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, hơn nữa anh T cũng đã có gia đình riêng. Hiện tại chị H khẳng định vợ chồng không còn tình cảm, không thể trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị kiên quyết xin ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống bản thân; còn anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, anh biết rõ việc chị H làm đơn xin ly hôn anh, thể hiện trong lời khai của anh cũng đồng ý ly hôn với chị H, tuy nhiên anh lại từ chối ký vào biên bản lấy lời khai với lý do trước đây khi anh làm đơn ly hôn chị H không chịu ký nên hiện giờ anh không có liên quan và anh từ chối nhận các văn bản tố tụng và từ chối làm việc, chị H muốn làm gì thì làm anh không quan tâm vì anh cũng đã có gia đình và con. Toà án đã tiến hành mở phiên toà nhưng anh T đều vắng mặt, cố tình không chấp hành theo triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này cũng thể hiện anh T không hề quan tâm, lo lắng gì đến gia đình mà để mặc cho chị H muốn làm gì thì làm, đã cố tình từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và quy định tại các Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về quan hệ con chung; tài sản và công nợ chung: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: xử buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000454 ngày 26/8/2020. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình(02 bản);
- UBND xã Đ;
- UBND xã Nh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*(Đã ký)*

**Dương Viết Hải**